



SƯ ĐOÀN 18 BB



ĐỊA PHƯƠNG QUÂN
NGHĨA QUÂN



LỮ ĐOÀN 1 NHẢY DÙ



Tiểu ĐOÀN 82 BQ



SƯ ĐOÀN 3 KQ

TUYÊN THỆP XUÂN LỘC

Mặt Trận Xuân Lộc

Sư Đoàn 18 BB - Tuyên Thệp

Nguyễn Minh Thanh, K22

“Tổ Quốc mặt trời, Dân mặt vắn
Anh Hùng Hào Kiệt đã trảng công...!! “

Sư Đoàn Hào Kiệt

Sư Đoàn Hào Kiệt viết huy hoàng
Kịch chiến Cộng thù xác ngồn ngang
Dũng Tướng can cường xông trận địa
Trung Quân lẫm liệt diệt sài lang

*Địa Phương, Thiết, Pháo,... toàn ưu Việt**
*Chủ Lực, Động, Dù,... những hiếu Nam***
Xuân Lộc Năm Châu vang Tuyên Thệp
Quốc dân trân trọng... quý Anh Hùng...!!

Chú Thích:

- Xuân Lộc: thị xã của tỉnh Long Khánh, Việt Nam Cộng Hòa

- ưu Việt: ưu tư lo cho nước Việt Nam

- hiếu Nam: thương yêu đất nước Việt Nam

* Địa Phương Quân, Thiết Giáp Binh, Pháo Binh

** Chủ Lực quân, Biệt Động Quân, Nhảy Dù

I - Sơ Lược Mặt Trận Xuân Lộc:

Mặt trận giành Xuân Lộc xảy ra một cách ác liệt ngay từ

ngày đầu 9-4-1975 cho đến ngày 21-4-1975. Các trận đánh kết thúc khi SĐ 18 BB được lệnh Quân Đoàn III cho rút khỏi mặt trận, bỏ ngõ thị xã Xuân Lộc thuộc tỉnh Long Khánh, về giữ Trảng Bom - Biên Hoà.

Tham chiến:

Ta:

- Sư Đoàn 18 BB là chủ lực quân: gồm một sư đoàn trừ (-) vì 1 trung đoàn tăng phái cho Sư Đoàn 25 trong 5 ngày đầu, Địa Phương Quân, Nghĩa Quân, Pháo Binh, Thiết Giáp, Biệt Động Quân, Nhảy Dù, Truyền Tin, Công Binh,... Khoảng trên 6,000 quân.

- Không yểm do các Sư Đoàn 3, 4, và 5 Không Quân chịu trách nhiệm.

- Tư lệnh chiến trường: Tướng Lê Minh Đảo - Tư Lệnh Sư Đoàn 18 Bộ Binh; Đại Tá Lê Xuân Mai - Tư Lệnh Phó, Đại Tá Huỳnh Thao Lược - Tham Mưu Trưởng, Đại Tá Hứa Yên Lén - Tham Mưu Trưởng Hành Quân...

Địch:

- Các Sư Đoàn: 6, 7, 325, 341. Sư Đoàn Pháo 132ly, 122 ly, và Phòng Không, Liên Đoàn 75 Pháo yểm tầm xa, một trung đoàn chiến xa và các đơn vị đặc công... Khoảng trên 40.000 quân.

- Tư lệnh chiến trường: Tướng VC Hoàng Cầm không thắng được. Tướng VC Trần Văn Trà lên thay vẫn không thành. Chính ủy Tướng VC Hoàng Thế Thiện.

- Ngoài ra, có 5 tướng cố vấn của Cộng Sản Nga túc trực bên cạnh Tướng VC Văn Tiến Dũng chỉ huy chiến dịch xâm lăng VNCH.

Chiến trường Long Khánh gồm cả 3 mặt trận chính:

1- **Ngã ba Dầu Giây:** Chiến đoàn 52, do Đại Tá Ngô Kỳ Dũng chỉ huy.

2- **Núi Chứa Chan - Gia Ray:** Chiến đoàn 48, do Trung Tá Trần Minh Công chỉ huy.

3- **Thị Xã Xuân Lộc:** Chiến đoàn 43, do Đại Tá Lê Xuân Hiếu chỉ huy, với nhiệm vụ:

- Bảo vệ Bộ Tư Lệnh Hành Quân của Tướng Lê Minh Đảo, đặt tại Quận Đường Xuân Lộc...

- Phòng thủ nội vi Xuân Lộc phối hợp cùng các đơn vị của Tiểu Khu Long Khánh do Đại Tá Phạm Văn Phúc, Tỉnh Trưởng, làm Chỉ Huy Trưởng.

Sau 12 ngày đêm huyết chiến, Cộng Quân không dứt điểm được Mặt Trận Xuân Lộc, nên chúng phải chuyển hướng tấn công qua ngã khác, nhắm tiến về Sài Gòn.

Đúng lúc đó, Quân Đoàn III ra lệnh Tướng Đảo lui binh, bỏ ngõ thị xã Xuân Lộc! Cuộc lui binh thành công.

Tổn thất:

Ta:

Sư Đoàn 18 BB bị thiệt hại khoảng 30% quân số. Riêng, Chiến Đoàn 52 của Đại Tá Ngô Kỳ Dũng thiệt hại tới 60%. Địa Phương Quân, Nghĩa Quân bị thiệt hại nhiều nhất!! Ta, có khi 1 chọi 10!

Địch:

Hơn 5,000 quân Việt Cộng bị tử thương cùng 37 chiến xa của chúng bị bắn cháy. Tổn thất của hai sư đoàn bị bom Blu Daisy Cutter tiêu diệt chưa được tính đến.

II - Lời Bình Của Địch & Bạn:

1 - Địch: Cộng Sản Bắc Việt

* Lê Đức Thọ, Bí Thư thường trực, Ủy Viên Bộ Chính Trị của Cộng Sản, thú nhận rằng chúng (Cộng Sản Bắc Việt) không đánh được Xuân Lộc, bị thương vong nặng phải rút ra.

* Tướng VC Văn Tiến Dũng, chỉ huy chiến dịch xâm lăng VNCH, thừa nhận rằng các Sư Đoàn 6, 7, 341 của chúng (Cộng Sản Bắc Việt) gặp phải sức kháng cự mãnh liệt của Trung Đoàn 43, Sư Đoàn 18 BB, cũng như một số lớn tăng và xe bọc thép bị quân VNCH bắn hạ. (Đại Thắng Mùa Xuân.)

* Tướng Hoàng Cầm xác nhận rằng lực lượng của chúng

(Cộng Sản Bắc Việt) đã bị ta quyết liệt đẩy ra khỏi thị xã.
(Chặng Đường Mười Nghìn Ngày.)

* Tướng Trần Văn Trà cũng phải thú nhận rằng cuối ngày 10 tháng 4, quân ta (VNCH) đã phản công quyết liệt. (Kết Thúc Cuộc Chiến Tranh 30 Năm.)

2 - BẠN:



Chuẩn Tướng Lê Minh Đảo tại mặt trận Xuân Lộc, Long Khánh, tháng Tư, 1975. (Phía sau là Đại Tá Tham Mưu Trường)

when properly led, it had the ‘right stuff.’”

(Trận đánh giành Xuân Lộc, một trong những trận đánh đầy anh hùng ca tại các mặt trận ở Đông Dương, chắc chắn chiếm giữ vị trí anh hùng nhất trong chiến tranh Đông Dương...)

Trong lần chống cự cuối cùng đầy anh hùng này, QLVNCH đã chứng minh lần cuối cùng, khi được lãnh đạo đúng đắn, nó đã chiến “đấu đúng như mong muốn”.)

* Tướng X. Smith, Trưởng Phòng Tùy Viên Quân Sự (DAO), Tham Mưu Trường Liên Quân Hoa Kỳ:

“Chiến trường Long Khánh chứng tỏ quyết tâm bảo vệ đất nước của quân đội VNCH và họ đã anh dũng chiến đấu chống

*Tướng Phillip B. Davidson của Quân lực Hoa Kỳ đã có nhận xét chính xác về trận đánh Xuân Lộc, về QLVNCH, và vị tư lệnh chỉ huy:

“The battle for Xuan Loc produced one of the epic battles of any of the Indochina wars, certainly the most heroic stand in Indochina War... In this final epic stand ARVN demonstrated for the last time that,

lại địch quân đông gấp nhiều lần.”

* Sử gia người Mỹ, George J. Veith viết:

“...*The ARVN, as shown in the battle for Xuan Loc, was not an army of bumblers and cowards as it is so often portrayed.... There is no need to call Le Minh Dao a hero. Some truths are self-evident.*”

“...Quân đội VNCH, như được thấy tại mặt trận Xuân Lộc, không phải là một đội quân của những kẻ vụng về và hèn nhát, như thường được người ta miêu tả như vậy (*báo chí tại Hoa Kỳ*). Không cần thiết gọi Tướng Đảo là một anh hùng. Một số sự thật tự nó đã là bằng chứng.”

* D. Todd, ký giả Pháp, từng thiên Cộng, đã viết trong “Cruel April The Fall of Saigon” như sau:

“Tinh thần binh sĩ VNCH tại Xuân Lộc rất cao, hệ thống truyền tin rất tốt. Các đơn vị Dù và Biệt Động Quân đã đến. Con đường Sài Gòn được khai thông... Các sĩ quan của QLVNCH đang gọi pháo binh và không yểm rất chính xác, nhanh chóng. Tình trạng chiến đấu của họ gần giống như lúc còn quân đội Mỹ yểm trợ...”

* Darcourt, sử gia người Pháp nhận xét:

“Trong hai ngày pháo binh CSBV tác xạ hơn 8,000 trái đạn vào các vị trí của Sư Đoàn 18. Liên lạc vô tuyến với Bộ Chỉ Huy của Tướng Đảo bị gián đoạn, rồi lại được tái lập. Quân của ông bám sát các mặt trận, chiến đấu cực kỳ dũng mãnh và nhất định không lùi, mặc cho những trận mưa lửa cứ trút lên đầu họ.”

III - Lược Sử Tướng Lê Minh Đảo:

Ông sinh năm 1933, Gia Định, học trường Lycée Pétrus Ký, Sài Gòn, chương trình Pháp và tốt nghiệp Tú Tài toàn phần năm 1952.

Học khóa 10 Trần Bình Trọng, Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt, từ ngày 1 tháng 10 năm 1953 đến ngày 1 tháng 6 năm 1954, ông tốt nghiệp thiếu úy hiện dịch, hạng 18/400.

Ông được vinh thăng chuẩn tướng vào ngày 1 tháng 11 năm

1972, lúc 39 tuổi. Ngày 24-4-1975, ông được Tổng Thống Trần Văn Hương vinh thăng thiếu tướng, do chiến công mà đơn vị của ông đạt được tại mặt trận Xuân Lộc, Long Khánh.

Thiếu Tướng Lê Minh Đảo là vị tướng thanh liêm, thương yêu và rất mực quan tâm đời sống BINH SĨ.

Điều đặc biệt của Tướng Đảo, mỗi khi có một đơn vị chạm địch từ cấp đại đội trở lên, ông liền bay trực thăng C&C bao vùng. Lệnh của ông truyền ra rất thân tình, rất “Huynh Đệ Chi Binh”, chứ không thô lỗ, cộc cằn và hách dịch...

* Những phát biểu đáng ghi nhớ của Thiếu Tướng Lê Minh Đảo:

- “Tôi sẽ ở lại chiến đấu với các anh em. Vợ con tôi vẫn ở lại Sài Gòn, không đi đâu cả. Tôi có trực thăng, nhưng tôi sẽ không bỏ anh em để bay ra hạm đội của Mỹ.” (Tướng Đảo ghen ngào nói với các binh sĩ dưới quyền, chiều ngày 29/04/1975.)

- “Tướng phải đi theo quân khi lui binh và cuộc rút quân phải được thực hiện trước khi bị tấn công.”

- “Là người chỉ huy, tôi kêu gọi anh em quân nhân bám chiến tuyến đến khi có lệnh rút quân. Gia đình của họ cũng ở sát cạnh họ. Làm sao tôi và gia đình tôi có thể bỏ đi được. Như vậy là không công bằng, không xứng đáng là cấp chỉ huy. Dù chịu 17 năm tù nhưng lương tâm tôi yên ổn, và các con tôi có thể tự hào về người cha của chúng.”

- “Xin đừng gọi tôi là người hùng. Những người lính của tôi hy sinh tại Xuân Lộc và hàng trăm trận chiến trước đó mới thật sự là những Anh Hùng.”

IV - CẢM THÁN CỦA NGƯỜI BIÊN SOẠN:

Khúc Thơ

Quân công hãn mã... bèo theo dòng
Mây trắng hải tằm hận núi sông
Chiến tích về vang thành Quảng Trị
Huy chương rạng rỡ trận Bình Long
Kontum giặc Bắc thây đầy nội

*Xuân Lộc Cộng quân xác ngập đồng
Tổ Quốc mặt thời, Dân mặt vận
Anh Hùng Hào Kiệt đã trảng công...!!!*

Nguyễn Minh Thanh

Trong bài thơ An Mai Quân của cụ Phan Bội Châu, câu kết:

“Giả sử tiền đồ tận di thân
Anh hùng hào kiệt già dung thường.”
“Đường đời ví phỏng luôn bằng phẳng
Hào kiệt thường nhân chẳng khác nhau.”

Nguyễn Minh Thanh dịch

Thật vậy, tự cô chí kim, chưa bao giờ anh hùng hào kiệt đi trên con đường bằng phẳng. Vì, nếu đi trên đường bằng phẳng thì không thể trở thành hào kiệt anh hùng.

Sau hơn 20 năm dựng nước, giữ nước, Quân Lực VNCH có nhiều anh hùng hào kiệt, với những chiến công hiển hách. Thành tích những trận đánh như tiếng bom nổ vang vọng đến toàn cầu: trận Cổ Thành Quảng Trị, Trận Bình Long-An Lộc, Mặt trận Xuân Lộc,...

Và, chính là nhờ những máu xương tử sĩ, những chiến công rạng rỡ của những anh kiệt, nước VNCH mới tồn tại hơn 20 năm.

Nhưng hồi ôi!! Những quân công lẫm liệt...những chiến tích lẫy lừng... phút chốc thành: bèo nổi, gió thổi, mây tan...!!

Thương thay: “Hồn tử sĩ gió ù ù thổi...” (ĐTĐ)

Xót thay: “Mô đất lạ chôn vùi thân bách chiến

Đám sương mù tàn tạ mảnh chinh y “ (TNH)

Rồi những hệ lụy: - Mẹ già... - Quả Phụ... - Cô Nhi...

Và hôm nay:

- Việt Nam tụt hậu hàng mấy chục năm so: Đại Hàn, Thái Lan, Singapore... Những nước mà trước đây hằng mơ ước được như Sài Gòn hòn ngọc Viễn Đông.

- Việt Nam với cái gọi là “Xuất khẩu lao động”, “Làm dâu xứ ngoại”, thực chất là Nam ra nước ngoài bán sức lao động.

Nữ ra ngoài làm Ôsin, làm nô lệ tình dục...

- Việt Nam đất liền, biển rộng bị... hẹp dần... hẹp dần... bởi kẻ thù truyền kiếp phương Bắc. Chưa kể những đặc khu Tàu Cộng lan tràn khắp nước, mà hệ quả ô nhiễm môi sinh trầm trọng như Formosa Vũng Áng ...!!

Thương quá Việt Nam, đêm đen dòng sông dài thăm thăm...!!

*Ngoài trời trắng đầy sân
Dãy núi mơ. Thơ thần...
Cố Quốc xa... biệt mù...
Trắng mây về... vô tận...
Trường hận ngùi... thiên thu!!*

(Georgia, Quốc Hận 2019)

Phụ giải:

- Quảng Trị: Cổ Thành Quảng Trị, Mùa Hè Đỏ Lửa năm 1972

- Bình Long: Bình Long - An Lộc, Mùa Hè Đỏ Lửa năm 1972

- Kontum: Mùa Hè Đỏ Lửa 1972

- Xuân Lộc: Mặt Trận Xuân Lộc, tử địa của quân Việt Cộng năm 1975.

Tham khảo:

- Trang Web: Lê Minh Đảo,....

- “Trận Xuân Lộc – Chiến Thắng Cuối Cùng”, tác giả Trọng Đạt.

- “Một Vài Nét Về Thiếu Tướng Lê Minh Đảo”, tác giả Phan Ngọc Trung.

- “Trận Chiến Cuối Cùng”, tác giả Bảo Định Nguyễn Hữu Ché.

- “Mặt trận Long Khánh - Xuân Lộc”, tác giả Võ Trung Tín & Nguyễn Hữu Viên.

Gặp Lại Bạn Cũ

Bút ký của Lê Quốc Toàn, K20

Viết để tưởng nhớ Ngô và các bạn đồng khóa đã nằm xuống vì Tổ Quốc.

Tết Trung Thu năm 1969, tôi được Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn II đề cử đến thăm và tặng quà cho ba cháu nhỏ con của cố Thiếu Tướng Trương Quang Ân, tử trận tháng 9/1968 tại mặt trận Bu Prang - Đức Lập, thuộc Tiểu khu Quảng Đức. Khi ngồi trên xe từ hậu trạm Quân Đoàn, đóng tại Cổng Số 2 Bộ Tổng Tham Mưu, hướng về cư xá Lữ Gia nơi ba cháu đang sinh sống, tôi miên man nhớ đến quan tài của Tướng Ân và phu nhân được di chuyển trên hai chiến xa M113. Mới ngày nào đó mà nay đã gần một năm! Tôi nhớ mãi giây phút nhận được hung tin Thiếu Tướng Ân và phu nhân tử trận tại chiến trường Bu Prang - Đức Lập được gọi về Trung Tâm Hành Quân của Quân Đoàn II ở Pleiku.

Vào đúng thời khắc đó, tôi chạnh nghĩ đến những thiên thần gãy cánh, một phút đã ra đi, oanh liệt như đời sông hiền hách của Cố Thiếu Tướng Trương Quang Ân, một vị Tư Lệnh



Sư Đoàn 23 Bộ Binh

tài ba của Sư Đoàn 23 Bộ Binh, trấn thủ Tây Nguyên và cũng là cựu sinh viên sĩ quan xuất thân Khóa 7 Ngô Quyền của trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt. Bất giác tôi nhớ đến cuộc hành quân thắng lợi giải tỏa lao xá Phan Thiết năm Mậu Thân 1968, mà hai mũi tấn công do Trung Úy Vũ Phúc Sinh và tôi đảm nhiệm. Chúng tôi cùng là cựu SVSQ Khóa 20 Võ Bị và cùng ở Đại Đội D.

Hai sự kiện làm tôi nhớ đời trong cuộc hành quân chiều hôm đó là trước giờ xung phong, nhìn ra đằng sau cách tôi khoảng hai mươi thước, tôi nhận ra Đại Tá Trương Quang Ân mặc bộ đồ dù mang ba mai bạc (*phù hiệu cấp bậc đại tá, được dùng vào các năm 1960-*



*Chuẩn Tướng Trương
Quang Ân (1970)*

1965) sáng chói uy nghi đang quan sát mặt trận. Đối với ông dường như cái chết nhẹ tựa lông hồng, vì lực lượng địch đang điên cuồng tấn công phía trước cách khoảng chừng một trăm mét. Điểm thứ hai tôi nhớ buổi chiều hôm đó vào giây phút khi ra lệnh cho đại đội của tôi tấn công, tôi đã cầm nhầm vào nòng của khẩu súng đại liên 30 và tiến lên. Tiếng cháy xèo xèo từ bàn tay phải cho tôi biết nòng súng còn đang rực lửa.

Mãi miên man suy nghĩ, tôi đã đến cư xá Lữ Gia từ lúc nào. Xuống xe tôi ôm gói quà tiến thẳng vào nhà thì thấy một bà cụ gầy gò đang ngồi bên luống khoai lang, vun trồng. Tôi đoán đó là thân mẫu của cố Thiếu Tướng Ân. Có con làm tướng mà mẹ khổ như vậy thì xưa nay cũng hiếm! Nhưng chắc cụ cũng hiểu vì con là tướng sạch thì làm sao có thể có đời sống khá hơn. Khi ông ra đi, căn nhà nhỏ được chính phủ cấp ở cư xá không đủ chỗ đặt hai chiếc quan tài của vợ chồng ông, nói chi đến ô tô, nhà lầu! Khi còn là sinh viên sĩ quan, ngoài thời gian

đổ mồ hôi tại thao trường, khi về phòng không kịp nghỉ ngơi, ông đã say mê nghiên cứu binh thư Tôn Tử. Khi ra làm tướng, ông đã quyết tâm xây dựng các binh đoàn dưới quyền ngày một hùng mạnh. Đêm về ông vẫn miệt mài nghiên cứu tình hình địch bạn tại các vùng lãnh thổ mà ông chịu trách nhiệm. Các trận đánh ác liệt có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Trên Cao nguyên thì có Bu Prang - Đức Lập, Quảng Đức. Dưới đồng bằng thì có Phan Thiết, Phan Rang.

Trách nhiệm của ông thật nặng nề vì Bộ Chỉ Huy Quân Khu 4 của Việt Cộng đóng trên lãnh thổ trách nhiệm của Sư Đoàn 23BB, thuộc khu 23 Chiến Thuật, mà Tướng Ân là Tư Lệnh. Suốt cuộc đời của Tướng Ân, ông chỉ nghĩ đến trách nhiệm đối với Tổ Quốc và Quân Đội, mà quên nghĩ đến bản thân mình và gia đình. Phu nhân của Cố Chuẩn Tướng, nữ danh Dương Thị Kim Thanh, nguyên là một nữ trung úy cũng thuộc binh chủng Nhảy Dù, như phu quân. Bà cũng luôn tháp tùng cùng chồng đến mọi nơi kể cả những tiền đồn hẻo lánh mà không màng đến nguy hiểm. Vì thế khi ra đi, ông bà đã để lại một mẹ già, một cô em gái và ba con thơ, trong tình cảnh vật chất eo hẹp.

Tôi kính cẩn chào bà cụ. Hình như bà không nhận ra tôi, mà đang nghĩ đến một nơi xa xăm nào đó. Khi tôi đi vào cửa thì cô em gái của cố Thiếu Tướng ra đón. Tôi chào cô và nêu lý do đến gặp gỡ gia đình. Phải chăng đại tang còn mới quá, nên cô rớm lệ chào tôi. Tôi cảm thấy áy náy như khơi lại trong cô một kỷ niệm buồn mà thời gian chưa dễ phai mờ, khi tôi xin phép cô thấp nén nhang cho người quá cố. Buồn làm sao cho cả chủ và khách trong giây phút này!

Đốt xong nén nhang, nhìn vọng ra bàn thờ phía sau, tôi bỗng giật mình. Ôi! Sao có di ảnh của ai, như của Phạm văn Ngô được thờ ở đây? Tôi có nhìn lầm chăng? Chẳng lẽ tôi gặp lại bạn cũ trong tình cảnh này? Ngô ơi! Toàn đây! Thế là cả một chuỗi kỷ niệm thời còn là sinh viên bất chợt hiện đến. Tôi và Ngô cũng cùng xuất thân Khóa 20 Võ Bị và cùng ở Đại

Đội D. Ngày ở trong trường chúng tôi thân nhau như anh em ruột thịt, nhất là sau bảy tuần Tân Khóa Sinh huấn luyện, đũa nào cũng nát như cái mền rách. Từ ngày ra trường thì chúng tôi không còn liên lạc với nhau. Ngô về Sư Đoàn 7 BB, vùng sông nước; còn tôi thì phục vụ Sư Đoàn 23 BB ở trên cao nguyên. Đũa nào cũng nặng nợ binh nghiệp, đâu có thời gian để biết tin nhau. Ngô có nhận ra tôi không? Càng nghĩ tôi càng thấy buồn vì biết rằng ai cũng có thể đột ngột ra đi, nhất là chúng tôi những người lính ngày đêm ra trận.

Đốt vội cho Ngô một nén nhang, và van vái trước anh linh của Tướng Ân và phu nhân, tôi trở lại chỗ ngồi, tiếp tục vấn an sức khỏe của thân mẫu Tướng Ân và hỏi thăm các cháu về việc học hành. Nhân cơ hội này tôi xin phép hỏi cô em của Tướng Ân về trường hợp bạn tôi, Phạm Văn Ngô. Gia đình có liên hệ như thế nào mà bạn tôi được thờ chung ở đây? Câu hỏi này đã làm cô rơm rệ. Cô đã ngậm ngùi trả lời,



Chuẩn Tướng Trương Quang Ân và phu nhân, lúc còn sinh tiền.

- “Tôi và Ngô quen và yêu nhau gần hai năm. Sau đó chúng tôi cũng đã có một lễ hỏi, định ngày cưới nhau. Nhưng anh Ngô quá bận rộn, phải hành quân liên tục hết chiến dịch này lại tới chiến dịch khác, nên chúng tôi cứ trì hoãn không thể kết hôn. Cũng có đôi lần chúng tôi định được ngày, nhưng rồi lại phải hủy vì nhu cầu hành quân. Vì thương anh Ngô, có một lần tôi đánh bạo xin anh Ân rút anh Ngô về Sư Đoàn 23, nơi anh Ân đang làm Tư lệnh, để giúp Ngô bớt nguy hiểm. Anh Ân đã một mực từ chối. Tôi còn nhớ lời Anh nói, “Em đừng làm

Ngô nhứt chí nam nhi, nhất là Ngô xuất thân từ trường Võ Bị Đà Lạt. Làm trai da ngựa bọc thây, phải ra trận cùng anh em chiến sĩ.” Qua lời nói của anh Ân, tôi biết không dễ gì thuyết phục được. Cho đến một ngày anh Ngô bỏ tôi ra đi. Tôi chẳng bao giờ còn gặp anh Ngô trên cõi đời này nữa.”

Nói đến đây cô chợt òa lên khóc thành tiếng. Tôi không khỏi xúc động khi nghe xong câu chuyện. Trong vòng hai năm, cô đã phải chịu đến ba đại tang, cho vị hôn phu, anh trai, và chị dâu. Tôi ngồi im lặng cho đến khi cô voi cảm xúc và tiếp tục câu chuyện về cái chết của Ngô. Cô nói,

- “Một buổi sáng vào tháng 3/1968, tôi nhận được tin từ chiến trường báo về cho biết Ngô đã hy sinh trong đêm. Nhận hung tin tôi không tin là thật. Tôi nghĩ đó chỉ là cơn ác mộng rồi sẽ qua. Mà đêm đó, đêm anh Ngô ra đi, tôi thật sự bồn chồn suốt đêm không ngủ được như có thần giao cách cảm mách bảo. Sáng ra, tôi đã nhận được tin báo anh đã đi rồi. Sau này người lính từ đơn vị của anh về kể lại cho tôi rõ câu chuyện. Trong một đêm tối trời tại khu vực hành quân, anh họp các sĩ quan để ban hành lệnh hành quân thì bị bọn nội tuyến tung lựu đạn trúng ngay chỗ anh ngồi. Anh đã gục ngã ra đi trong tức tưởi. Từ đó tôi mất Anh!”

Nghe cô kể hết câu chuyện, lòng tôi không khỏi ghen ngào. Tôi ngồi yên lặng vì không biết nói điều gì để an ủi cô. Làm sao một cô gái non trẻ như vậy có thể chống chọi với nghịch cảnh quá đau thương cho hôm nay và mai sau.

Hoàng hôn dần khuất bóng. Ngoài kia phố xá đã lên đèn. Tôi bùi ngùi từ giã cô, từ giã chức vị, và từ giã Ngô, người bạn cũ thời sinh viên xa vắng. Dẫu biết rằng đời là vô thường, thế nhưng trên đường về lòng tôi vẫn mang nặng mối u hoài.

Buổi Họp Mặt Thường Niên của Hội Võ Bị Victoria, Úc Châu

Ngày 4 tháng 8 năm 2019.

Trần Như Dy, K23



Nghiêm chỉnh chào cờ Úc Việt và một phút để tưởng niệm.





CSVSQ Đình Chí Hùng, K30 , Thư Ký trình bày và thuyết trình từ những thủ tục đầu tiên, điều lệ, chi phí... cho đến ngày được Chính phủ Tiểu Bang Victoria chính thức công nhận Hội Võ-Bị Vic là Hội đoàn hoạt động Vô Vụ lợi tại Victoria có sự hỗ trợ từ chính quyền



CSVSQ Trần Như Dy, K23 - hội trưởng, trình bày chương trình hoạt động của hội trước các CSVSQ và phu nhân tham dự.

Thành phố Melbourne đang ở mùa Đông với thời tiết lạnh lẽo và mưa nắng bất thường nên việc tổ chức họp mặt rất khó khăn. Nhưng ngày họp thường niên của Hội gặp may mắn với thời tiết nắng ấm suốt ngày,

Ban tổ chức đã đến sớm sắp xếp để chuẩn bị đón chào khoảng 40 CSVSQ và quan khách đến tham dự.

Nhờ bàn tay khéo léo của Chị Vũ + Con Gái bận rộn lo liệu việc nấu nướng từ sáng sớm cũng như Quý Phu nhân đã đem đến những món ăn đặc sắc nóng hổi, cùng nhấp chén rượu nồng, cũng như đóng góp đặc biệt của chị Kim Phượng (Phu nhân CSVSQ Nguyễn Hữu Chí, K25), buổi họp mặt đã mang niềm vui đến mọi người tham dự.

Chưa bao giờ Hội Võ Bị Vic có được không khí sinh hoạt vui nhộn, thoải mái như lần họp này.



Gìờ giải lao cuối buổi họp mặt.



Những Nguyên Do Khiến Mỹ Hạ Bệ Tổng Thống Ngô Đình Diệm

Đặng Kim Thu, K19

Những nguyên do thường được người ta nói đến đã khiến Mỹ hạ bệ Tổng Thống Diệm là biến cố Phật Giáo; độc tài, gia đình trị, cộng thêm là việc ông Ngô Đình Nhu thương thuyết với Cộng Sản Bắc Việt. Thực ra các lý do nêu trên đều có tính cách ngụ tạo, làm cái cớ để biện minh cho hành động của người Mỹ với dư luận. Nguyên do thật là do chính sách và quyền lợi của người Mỹ mà ông Diệm không ngoan ngoãn đáp ứng, như hồ sơ mật của Tòa Bạch Ốc Mỹ đã tiết lộ.

Ở trong nước, Mỹ tỏ ra dân chủ pháp trị do hiến pháp quy định, mà các vị khai quốc công thần, như: Washington, Jefferson, Franklin,... đã lập ra, quy định sự phân quyền rõ rệt để tránh nạn độc tài.

Tuy nhiên, chánh phủ Mỹ có một ủy ban có nhiều quyền hành đặc biệt quy định đường lối và phương tiện (ways and means). Khi dùng phương tiện của chánh phủ phải tôn trọng một số đường lối nào đó đã được vạch ra. Vì vậy, một nước nào mà khi nhận viện trợ bị bắt buộc phải tuân theo đường lối, chủ trương của Mỹ, chứ không được xử dụng viện trợ theo đường lối, nhu cầu của riêng nước đó.

Vì bản chất của chính sách của Mỹ là luôn đòi hỏi nước nhận viện trợ phải thi hành đúng đường lối của Mỹ, vì thế mà nhiều rắc rối và mâu thuẫn xảy ra. Nếu không theo đúng thì sẽ bị Mỹ cúp viện trợ. Trầm trọng hơn thì họ tìm cách thay thế người lãnh đạo của nước đó. Có những nước nhận viện trợ của Mỹ, mà khác văn hóa, xã hội, và chính trị với Mỹ, rất khó thực hiện theo đúng đường lối Mỹ.

Vì thế, kế hoạch chống Cộng Sản nổi dậy của ông Ngô Đình Diệm đã bị Mỹ cản mũi. Tổng Thống Diệm muốn mở mang đường xá lên cao nguyên (Vùng 2), đào kinh vào các vùng sinh lầy Đồng Tháp, Cà Mau; dùng Bảo An làm lực lượng lưu động lùng diệt hạ tầng cơ sở của Việt Cộng thì Mỹ không đồng ý. Họ bảo phải làm cái gì ở thành thị cho dân chúng thấy.

Từ năm 1955 đến năm 1957, Mỹ đòi hỏi thành lập bảy (7) sư đoàn, theo đuổi chiến tranh quy ước như kiểu chiến tranh Triều Tiên. Năm 1957, Tổng Thống Diệm qua Mỹ xin tăng viện trợ để lo về vấn đề an ninh nông thôn, nhưng ông đã bị từ chối. Do đó, đã có một khoảng trống về an ninh ở nông thôn rất có lợi cho Cộng Sản gây dựng và củng cố hạ tầng cơ sở của chúng.

Chính ông Nguyễn Ngọc Thơ, người đã phản bội ông Diệm và theo phe Dương Văn Minh để lật đổ ông Diệm, sau này cũng thừa nhận rằng không thể nào thực hiện được những đòi hỏi khắt khe của Mỹ là phải chiến thắng Cộng Sản, đồng thời phải áp dụng đường lối dân chủ kiểu Mỹ được.

Đó là một trong các nguyên nhân gây bất hòa giữa Tổng Thống Diệm và chính phủ Mỹ, kể từ năm 1960 và về sau. Mỹ phải tìm người khác thay thế ông Diệm để có thể dễ làm theo đường lối của họ hơn.

Lúc bấy giờ, chính phủ Kennedy chưa hài lòng với vai trò cố vấn ở Việt Nam mà muốn xen vào quyết định về kinh tế, chính trị, và quân sự liên hệ đến tình hình an ninh của Việt Nam Cộng Hòa. Tổng Thống Diệm cho đó là một hình thức

“bảo hộ”, khiến VNCH dần dần sẽ mất chủ quyền. Việc đó không thể chấp nhận được. Ngược lại, Mỹ cho đó là thay đổi cấp thiết để cho dân chúng Mỹ và dư luận quốc tế tin rằng Mỹ không phải đến Việt Nam để ủng hộ một chế độ không dân chủ.

Năm 1961, vì Việt Cộng gia tăng hoạt động, Tổng Thống Diệm cử Bộ Trưởng Nguyễn Đình Thuần đem thư của Tổng Thống gửi cho Tổng Thống Kennedy yêu cầu tăng viện trợ quân sự để tăng cường quân đội, chứ đừng gửi quân Mỹ sang Việt Nam, trừ khi chiến tranh bùng nổ.

Tổng Thống Kennedy không tăng viện trợ, mà gửi rất nhiều cố vấn quân sự đến cả cấp tỉnh. Vì thế Tổng Thống Diệm không hài lòng, phàn nàn rằng họ sang đây không có chiếu khán, thông hành gì cả, như họ đi từ tiểu bang này sang tiểu bang khác trong nước Mỹ. Tổng Thống Diệm muốn Mỹ rút về ít ra là phân nửa số cố vấn, nhất là từ cấp tỉnh.

Ngày 10 tháng 5 năm 1963, ông Ngô Đình Nhu tuyên bố với ký giả Warren Unna của nhật báo Washington Post rằng:

- *“Sự hiện diện của quá nhiều cố vấn Mỹ khiến cho cuộc chiến hóa ra là cuộc chiến của Mỹ. Họ bị nhiều thương vong vì thiếu kinh nghiệm du kích chiến. Họ không phân biệt được giữa dân với Việt Cộng.”*

Ông Nhu nói thêm:

- *“Ít ra 50% số cố vấn đó không cần thiết cho chiến trường.”*

Trong quyển sách *“A Death in November”* trang 121, có nhận định rằng lời tuyên bố đó của ông Nhu đã *“giữt chuông báo động”* Ủy Ban Hoạch Định Chính Sách của Mỹ. Đại Sứ Pháp La Louette cũng nói:

- *“Mỹ quyết định hạ bệ ông Diệm, từ lúc ông Nhu tuyên bố như trên.”*

Từ năm 1961, Mỹ đã yêu cầu Tổng Thống Diệm nhượng vịnh Cam Ranh cho Mỹ để thiết lập quân cảng Hải Quân và

Không Quân, nhưng ông Diệm nhất định từ chối.

Ngày lễ Độc Lập của VNCH, ngày 26 tháng 10 năm 1963, là ngày Quốc Khánh cuối cùng của Đệ Nhất Cộng Hòa, lúc mà cuộc đảo chánh đang ráo riết xúc tiến. Hình như có linh cảm chuyện không lành sẽ xảy ra cho ông, Tổng Thống Diệm đã tuyên bố với phái đoàn chánh phủ, dân biểu quốc hội, đại diện đảng Cần Lao, và Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia đến chào mừng ông một câu, như là lời trần trối, mà các báo thời đó đã tường thuật:

- *“Nếu tôi tiến thì các ông hãy tiến theo tôi. Nếu tôi lùi các ông hãy giết tôi. Nếu tôi chết thì các ông trả thù đùm tôi.”*

Lúc đó ông cũng tiết lộ là ông đã từ chối nhượng vịnh Cam Ranh cho Mỹ.

Sau ngày xảy ra đảo chánh, các tướng lãnh trong nhóm đảo chánh đồng ý giao Cam Ranh cho Mỹ xây dựng thành một quân cảng hùng mạnh nhất Đông Nam Á. Để rồi sau 30 tháng 4 năm 1975, khi miền Nam bị cưỡng chiếm thì Cộng Sản Bắc Việt lại giao quân cảng này cho Liên Xô Cộng Sản sử dụng.

Tổng Thống Diệm chống lại kế hoạch của Mỹ cho Lào trung lập, với chính phủ ba thành phần vào đầu năm 1962. Làm như vậy biên giới Việt-Lào sẽ bị bỏ ngỏ tạo điều kiện thuận lợi cho Bắc Việt xâm nhập miền Nam, qua hành lang biên giới.

Trưởng phái đoàn Mỹ, trong hội nghị ở Lào là Harriman, bị Tổng Thống Diệm chống đối nên đề tâm oán hận. Khi hiệp định Genève về Lào kết thúc vào tháng 9 năm 1962, Tổng Thống Diệm đã không cho phái đoàn Việt Nam ký vào Hiệp Định Trung Lập Lào.

Trưởng phái đoàn Mỹ là Harriman đến gặp Tổng Thống Diệm lần thứ hai trong buổi họp, mà ông Đại Sứ Mỹ Nolting ở Saigon mô tả là *“đầy giông tố”*.

Tổng Thống Diệm chỉ thuận ký khi Tổng Thống Kennedy

cam kết sẽ ủng hộ chính phủ của Tổng Thống Diệm. Tuy nhiên, tới năm 1963, khi làm Thứ Trưởng Ngoại Giao, ông Harriman đã khuyến khích Tổng Thống Kennedy lật đổ Tổng Thống Diệm, thì ông Kennedy không những không giữ lời hứa với ông Diệm, mà còn nghe lời đề nghị của Harriman ra lệnh đảo chánh Tổng Thống Diệm.

Đối với chính phủ Kennedy, chủ trương trung lập Lào là một sai lầm lớn. Chính phủ liên hiệp của Hoàng Thân Souvanna Phouma tỏ ra bất lực nên Cộng Sản Bắc Việt không chịu rút khoảng 8.000 tới 10.000 quân về, mà vẫn trú ẩn dọc theo biên giới, rồi biến đường mòn Hồ Chí Minh thành con đường lớn mà xe Motolova lưu thông dễ dàng tới tận miền Nam.



Tổng Thống Hoa Kỳ Eisenhower đang đón tiếp Tổng Thống Ngô Đình Diệm, 1956

Chính phủ Liên Hiệp Hoàng Gia Lào chỉ tồn tại hai năm, rồi sụp đổ vào tay Pathet Lào (Cộng Sản Lào). Đây là “cơ hội bằng vàng” mở đường cho Cộng Sản Bắc Việt xâm nhập vào miền Nam mạnh hơn nữa.

Vì tín nhiệm ông Harriman quá độ, Tổng Thống Kennedy đã bị ông Harriman dẫn dắt từ sai lầm này tới sai lầm khác. Thấy được như vậy, em của Tổng Thống Kennedy là ông

Robert Kennedy đã nói:

- “Đó là vấn đề tình cảm cá nhân và quả nhiên khuyến khích của ông Harriman là sai lầm. Sự thật Harriman đã xô chúng ta vào một con đường nguy hiểm, nhưng không phải một người mà cả chính phủ bị xô vào con đường nguy hiểm đó. Thử hỏi còn quốc gia nào tin vào chúng ta nữa chứ?”

Thế là một trang sử đã được lật qua với nhiều máu đổ, không phải do kẻ thù mà do “gà nhà bới mặt đá nhau”, dưới quyền chỉ huy của một số tướng tá đã nghe theo ngoại bang phản lại người lãnh đạo mình; mặt khác, còn do đồng minh Hoa Kỳ chỉ nhìn vào quyền lợi của họ chứ không phải vì nước Việt Nam Cộng Hòa.

Nhận định về Tổng Thống Ngô Đình Diệm:

Trước tiên xin nói rõ, nhận định không phải của người viết, mà của cố Đại Tướng Cao Văn Viên, có một thời khi còn là sĩ quan cấp tá, đã có dịp gần gũi Tổng Thống Diệm, trong cương vị Tham Mưu Trưởng Tham Mưu Biệt Bộ Phủ Tổng Thống. Người viết, vốn là sĩ quan tùy viên của Đại Tướng Viên, mãi về sau này đã được ông kể lại về Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Người viết kể lại theo trí nhớ, với ước mong cung cấp thêm dữ kiện về cá tính của Tổng Thống Diệm, để quý độc giả rộng đường xét đoán về một người đã có công khai sinh ra Đệ Nhất Việt Nam Cộng Hòa.

Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã có công lớn trong việc xây dựng lại đất nước từ tình trạng đổ nát lúc ban đầu. Trong các chính khách đã có dịp chấp chánh hay tham chánh, không có người nào có tầm vóc thay thế được ông trong tình trạng chia năm, xẻ bảy giữa các giáo phái võ trang, như thời “*Thập Nhị Sư quân*”*; với một Tổng Tham Mưu Trưởng Nguyễn Văn Hinh; một Quốc Trưởng Bảo Đại ở tận trời Tây, ưa thích ăn chơi, du hí, tiền bạc; cùng những mảnh khóc của thực dân Pháp kèm kẹp bên cạnh. Nếu không có ông, miền Nam chắc hẳn đã sụp đổ và rơi vào tay Cộng Sản từ lâu.

Chúng ta không thể chối cãi là Tổng Thống Diệm là một người yêu nước, đã kiên trì tranh đấu cho độc lập của quốc gia.

Kẻ thù của ông là Hồ Chí Minh, qua câu nói không kém phần ác ý, cũng phải “làm bộ” khen ngợi lòng yêu nước của ông, qua câu nói của Goburdhum, Trưởng Phái Đoàn Ấn Độ trong Ủy Ban Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến, rằng:

- “Ông Diệm thực sự là một người yêu nước, nhưng...”

Về tin đồn Tổng Thống Diệm và ông Nhu muốn bắt tay với Hà Nội. *Thực ra không phải hai ông muốn thương thuyết với Hà Nội, mà chính Hồ Chí Minh muốn thỏa hiệp với ông Diệm để được giao thương, dùng gạo miền Nam cứu đói miền Bắc, và cũng bớt lệ thuộc vào hai nước đàn anh Nga và Tàu. Hồ Chí Minh cũng chịu để ông Diệm lãnh đạo miền Nam. Tuyệt nhiên không có vấn đề thống nhất Việt Nam, đặt dưới quyền cai trị của Cộng Sản Hà Nội, theo như các tài liệu đã được giải mật của cơ quan tình báo Mỹ phúc trình.*

Với tình hình đất nước vào năm 1963, cách thỏa thuận như trên của Hồ Chí Minh là điều cần thiết, phải chấp nhận theo đúng nguyện vọng của người dân cả hai miền Nam và Bắc Việt Nam. Trớ trêu thay! Điều này lại đi ngược với chiến lược toàn cầu của Mỹ, cũng như sách lược của họ tại Đông Dương. Vì thế nên Mỹ phải tạo ra cái cớ để lật đổ Tổng Thống Diệm.

Cành đào của Hồ Chí Minh gửi biếu Tổng Thống Diệm vào dịp Tết 1963 cho thấy đó là có thể là “ý hướng thật” của Hồ Chí Minh, như trình bày trên. (*Chúng ta tạm tin như vậy.*) Sau khi Tổng Thống Diệm bị lật đổ ở trong Nam, thì ở ngoài Bắc, Hồ Chí Minh mất dần quyền lực, rồi trở thành bù nhìn. Mọi quyết định chính trị của Cộng Sản Hà Nội đã rơi vào tay Lê Duẩn và Lê Đức Thọ. Có thể đây là hậu quả di truyền giữa ông Ngô Đình Diệm và Hồ Chí Minh?

Như đã linh cảm một điều xấu, sáng ngày 1 tháng 11 năm 1963, Tổng Thống Ngô Đình Diệm nói chuyện với Đại Sứ Mỹ

Cabot Lodge rằng ông chấp nhận tất cả các đề nghị của chính phủ Mỹ, kể cả việc loại bỏ ông Nhu ra khỏi chánh quyền, để cứu vãn tình thế. Nhưng việc này cũng không làm cho Mỹ ngừng tay.

Đại Tướng Viên cũng nói thêm về cá tính của ông Diệm. Lẽ dĩ nhiên, ông Diệm cũng có những sai lầm trong việc lãnh đạo, đã để anh em của ông chi phối quyền hành quốc gia, mỗi người một cõi, mà trách nhiệm ông phải gánh lấy. Với cái tính muốn mọi việc phải theo đúng ý ông, ông không chấp nhận một ý kiến nào khác với ý kiến của mình. Ông không chia xẻ quyền hành với bất cứ ai, cũng không biết đánh giá việc làm chân thành của những người tận tụy hy sinh giúp ông củng cố địa vị vốn lung lay của ông lúc ban đầu, đầy gian lao nguy hiểm.

Ông thường nói với nhiều người chung quanh ông:

- Đừng coi người đối thoại hơn mình."

Nhưng rất ngạc nhiên là ông không chấp nhận đối thoại, lại muốn ý của ông phải được tuân hành một cách triệt để. Vì vậy, ông không dung hòa, uyển chuyển mà trở thành cố chấp. Ai không theo ý của ông là bị mất việc. Đây cũng là lý do vì sao số người đối lập với ông càng ngày càng nhiều, trong lúc ông mỗi ngày mỗi thêm cô đơn trong công việc.

Ông không tham quyền cố vị. Ông đã từng nói với ông Đỗ Thọ, sĩ quan tùy viên của ông, rằng năm 1965 khi mãn nhiệm kỳ, ông sẽ không tái ứng cử.

Ông có ý thức hy sinh cho quốc gia. Lúc Mỹ đang gây áp lực mạnh lên ông, ông nói với Paul Kattenburg:

- "Tôi chấp nhận chết ngay bây giờ cho đất nước tôi. Nếu chết, tôi xem như tử "vì đạo"."

Những người biết ông đều coi ông như một thầy tu. Ông không giao thiệp rộng bên ngoài, nên thiếu kinh nghiệm biết người và dùng người. Ông lại thêm nóng tính, vì vậy ông

không tin ai ngoài anh em của ông. Hơn nữa, trong các anh em, không phải ai cũng được ông Diệm tin dùng như nhau. Thí dụ, ông Diệm tin ông Nhu, mà không tin ông Ngô Đình Luyện. Ông không thể tự ý quyết định công việc một mình được mà phải hỏi qua ý kiến của ông Nhu. Thậm chí, những diễn văn đọc trước Quốc Hội, hay lời hiệu triệu trên đài phát thanh đều do ông Nhu soạn.

Nhiều lúc, ông Nhu cũng nói với phái đoàn ngoại giao đến thăm rằng anh của ông (ông Diệm):

- *“Anh biết hành chánh chứ không biết cai trị.” (Il sait administrer et ne sait pas gouverner.)*

Hoặc:

- *“Người ta không thể thay đổi một người 50 tuổi.” (On ne change pas un homme cinquant ans.)*

Ý ông Nhu muốn nói là khó làm thay đổi tánh của ông Diệm được.

Tính cả nể của ông đối với anh chị em có hại cho việc lãnh đạo quốc gia, nhứt là đối với một người như bà Ngô Đình Nhu mà có lần ông nổi nóng cấm bà Nhu không được qua văn phòng của ông. Sau đó, bà Nhu năn ni nên ông lại thôi và đồng ý cho đăng bài viết của bà Nhu đả kích các nhà sư Phật Giáo. Việc này đã khiến việc chống đối bùng nổ trở lại, trong lúc tình hình đang lắng dịu.

Tánh nhút nhát của ông trước đám đông cũng là một trở ngại cho việc lãnh đạo của ông. Trong gần chín năm cầm quyền, ông không tổ chức một buổi họp báo nào để giải thích hay trả lời các câu hỏi của nhà báo. Ông chỉ dùng hình thức thông báo, hiệu triệu là những hình thức không thuyết phục được ai. Vì thế, bao nhiêu ý tốt của ông chỉ là những ý tưởng thầm lặng, không có cơ hội bộc lộ. Hậu quả là giữa ông và dư luận dân chúng có khoảng ngăn cách không thể thông cảm với nhau và gây ra biết bao ngộ nhận.

Những điều ông nói với Đại Sứ Cabot Lodge, trưa ngày 1 tháng 11 năm 1963 trước giờ đảo chánh, hết sức quan trọng. Một nhượng bộ quá mức của ông với Mỹ. Ông Ngô Đình Nhu cũng lấy làm ngạc nhiên vì chính ông ta cũng phải ra đi.

Thiết nghĩ, nếu ông họp báo lúc đó, hoặc công bố trên đài phát thanh về nhượng bộ của ông liên quan đến việc ra đi của ông Nhu, thì vận mệnh của quốc gia, của chính ông, và anh em ông đã có thể đổi khác.

Theo hồi ký của ông Nguyễn Hữu Duệ, lúc đó là Tham Muu Trưởng Liên Binh Phòng Vệ Phủ Tổng Thống, thì ông



Tổng Thống Diệm trong một lần kinh lý.

Duệ có đề nghị đem chiến xa của Chi Đoàn Chiến Xa thuộc Lữ Đoàn Liên Binh Phòng Vệ Phủ Tổng Thống tấn công bộ chỉ huy của lực lượng đảo chánh ở Bộ Tổng Tham Muu, vì ở đó phòng thủ yếu ớt. (*Lữ Đoàn Liên Binh Phòng Vệ Phủ Tổng Thống gồm có một phân đội phòng không, một pháo đội 105 ly, một chi đoàn chiến xa, một tiểu đoàn bộ binh bao gồm các quân nhân thuộc Biệt Động quân, Nhảy Dù, Thủy Quân Lục Chiến, và Bộ Binh.*)

Tổng Thống Diệm đã nói rằng:

- “Tôi là Tổng Tư Lệnh Quân Đội. Chẳng lẽ tôi lại ra lệnh

cho anh em giết nhau, gây thêm tang tóc cho binh sĩ.”

Ông đã quên ông đang ở trong tình thế lâm nguy ấy.

Cô đơn trong quyền uy quá lớn, với biết bao thành tâm thiện chí đã xa rời khỏi ông, Tổng Thống Diệm là nạn nhân của các thế lực chinh trị, chứ không phải do các việc ông đã làm. Bao nhiêu lẽ phải về ông, ông đã không dùng, để cho im lặng bao trùm như một tấm vải liệm cho đến ngày ông chết. *Việc giải oan cho ông, khi lịch sử được đính chánh, phân nào an ủi được linh hồn của ông, nhưng đã quá chậm cho ông và cho đất nước.*

Khi từ chối lời mời của Cabot Lodge tới Tòa Đại Sứ Mỹ tạ nạn, ông và ông Nhu đã chọn nạ mình cho các tướng phản ông, giữ được khí tiết của người “*quân tử*”, *thà chết chứ không chịu nhục.*

Một cái chết mà Marguerite Higgins đã linh cảm trước đó, khi phát biểu như sau:

- “Phật Giáo muốn gì? Họ muốn cái đầu của ông Diệm, không phải để trên cái khay bạc mà bọc trong lá cờ Mỹ.”

Việc can thiệp thô bạo vào nội tình Việt Nam cho thấy chính sách của Hoa Kỳ với những nước nhược tiểu còn tệ hại hơn thực dân Pháp. Trong 80 năm cai trị Việt Nam; ba vua Hàm Nghi, Thành Thái, và Duy Tân đã lãnh đạo phong trào chống Pháp, nhưng người Pháp không đảo chánh, không ám sát mà chỉ lưu đày.

Tổng Thống Ayub Khan của Hồi Quốc đã nói với Tổng Thống Hoa Kỳ Nixon cảm tưởng của ông về cái chết của Tổng Thống Ngô Đình Diệm, như sau:

- Việc ám sát ông Diệm có ba ý nghĩa đối với các lãnh tụ các nước Á Châu: Kết bạn với Hoa Kỳ là nguy hiểm, trung lập có lợi hơn, và đôi khi chống Hoa Kỳ còn có điều hay!”

Hơn tất cả các điều nhận xét trên, có hai việc có ý nghĩa đặc biệt về Tổng Thống Diệm từ những người đã ra tay giết ông.

Trong sách “Les Guerres du Vietnam – Un Quart du Siècle au Vietnam du Sud”, Tướng Trần Văn Đôn, người nòng cốt trong nhóm đảo chánh ông Diệm, sau này có vẻ ăn ăn, đã viết nhận xét về gia đình ông Diệm như sau:

- Mọi người trong gia đình nhà Ngô có tư cách rất lớn (*une très forte personnalité*) và một giá trị riêng không thể chối cãi được (*une valeur intrinseque indéniable*), không bao giờ tìm thấy trong các tướng và phối ngẫu của họ, sau ngày đảo chánh 1 tháng 11 năm 1963 (*qui ne fut jamais retrouvée parmi les généraux et leurs épouses après le coup d'état du 1-11-1963*).

Đây là cách công khai tôn vinh một người, mà Tướng Trần Văn Đôn và nhóm đảo chánh trước đây đã ra tay sát hại. Đồng thời điều này cũng nói lên khả năng bất tài, bất lực của các tướng đã tiếm quyền, với hậu quả hiển nhiên là những hỗn loạn liên tục cho đất nước. Một cái tội không thể tha trước lịch sử.

Đối với Tổng Thống Kennedy, ông bị giao động về cái chết của ông Diệm và ông Nhu như một vấn đề luân lý và tôn giáo. Thấy vậy, một người bạn của ông Kennedy có an ủi ông ta rằng:

- “Dù sao thì ông Diệm và ông Nhu là kẻ bạo ngược (tyrants)?!”

Tổng Thống Kennedy trả lời:

- “*Không. Họ ở trong một tình thế khó khăn. Họ đã làm những gì tốt nhất cho đất nước của họ.*” (No. They were in difficult positions. They did the best they could for their country.)”

Đây là lời ăn năn sau cùng, cũng như lời tuyên dương công trạng hai ông Diệm và Nhu. Vì sai lầm, ông Kennedy đã ra lệnh lật đổ ông Diệm. Cuối cùng, lời nói này của ông Kennedy còn dùng để chứng minh rằng *người Mỹ chỉ muốn lật đổ Tổng Thống Diệm, chứ không có ý định sát hại hai ông.*

Theo như Marguerite Higgins tường thuật, khi bị lưu vong ở Bangkok, Thái Lan, Dương Văn Minh có nhìn nhận là đã ra lệnh giết ông Diệm và ông Nhu, vì “*không thể làm cách nào khác*”. Không thể để cho ông Diệm sống vì ông rất được lòng dân. Rất khó mà ngăn cản ông Diệm ngày nào đó trở lại nắm chính quyền. Các tướng phản bội lúc đó sẽ ra sao? Vậy thì “nhỏ cỏ, phải nhỏ tận gốc”.

Xuyên qua cuộc chiến đấu đẫm máu, với những xáo trộn liên miên kể từ sau ngày ông Diệm bị lật đổ, do ngoại bang nhúng tay quá sâu vào nội tình đất nước VNCH, đã cho chúng ta một kinh nghiệm quý giá rằng **một quốc gia không có đồng minh gắn bó, chỉ có quyền lợi. Không một nước nào sẵn sàng sống chết vì mục tiêu chiến đấu để tồn tại của một nước khác. Không ai thương tổ quốc của chúng ta bằng chúng ta.**

Những kẻ hiện đang sẵn sàng cam tâm làm tay sai cho ngoại bang ở Việt Nam có hiểu được kinh nghiệm quý giá đó hay không?

